

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 715/2026/DS-PT

Ngày 21 – 9 – 2026

“V/v tranh chấp QSDĐ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Ông Đỗ Cao Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 501/2026/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2026 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 706/2026/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh ngày 01/01/1943 (có mặt).

Căn cước công dân số 095143002275; cấp ngày 10/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K: Bà Trịnh Hồng N là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/02/1973;

Căn cước công dân số 095173004430; cấp ngày 10/5/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trần Đăng K1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau; (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16/9/2026) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Thạch Hoàng T là Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố C; (có mặt).

2. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1966;

Căn cước công dân số 095066005066; cấp ngày 15/5/2026; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1934 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Số D, đường T, Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Phan Thị G (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm E, khóm F, phường B, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Huỳnh Thị K trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là do bà nhận chuyển nhượng phần đất ao địa từ bà Phan Thị G vào ngày 05/9/1998, khi nhận chuyển nhượng thì các bên có làm giấy viết tay, với giá 500.000 đồng và bà là người giao tiền trực tiếp cho bà G. Thời điểm nhận chuyển nhượng là đất ao địa không đo đạc diện tích đất cụ thể nhưng có thể hiện đồng giáp đất bà ba Kía, tây giáp đất bà T2, nam bắc cái địa này của bà (bà G). Tờ “*Giấy nhượng chủ quyền*” trên do bà G nhờ ai viết thì bà không rõ, khi bà đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất của bà G thì bà G đem tờ giấy này lại nhà cho bà và bà giao tiền cho bà G. Do đất nhận chuyển nhượng là đất trũng và gia đình bà chưa có nhu cầu sử dụng nên bà để đất trống từ trước đến nay, hiện trạng lúc đầu là đất trống, trũng do ngoài phần đất này thì bà còn nhiều phần đất khác liền kề nên sau khi nhận chuyển nhượng thì bà bỏ đất trống.

Ngoài phần đất tranh chấp thì vẫn còn một diện tích đất trũng và bà đã chuyển nhượng một phần cho bà H (không nhớ rõ họ tên), còn có tên gọi khác là bà Ê cũng không nhớ rõ thời gian chuyển nhượng nhưng bà chuyển nhượng cho bà H sau khi bà L cất nhà ở. Việc chuyển nhượng đất cho bà H thì không làm giấy tờ gì, không nhớ rõ số tiền chuyển nhượng và diện tích chuyển nhượng cho bà H, đồng thời các bên khi chuyển nhượng đất thì bà chỉ ranh chứ không đo đạc thực tế.

Đến năm 2019 bà L đổ đất và xây hàng rào, trồng cây thì bà biết đã lấn sang đất nhà bà nên bà có yêu cầu chính quyền địa phương (trưởng khóm) giải quyết, khi đó có yêu cầu bà L ngừng việc xây dựng hàng rào nhưng bà L cho rằng đất của bà L nên

vẫn tiếp tục xây dựng. Tại Ban nhân dân khóm không giải quyết được nên bà yêu cầu Ủy ban nhân dân xã V (nay là phường V) giải quyết và ở ấp đã có chuyên đơn yêu cầu của bà đến Ủy ban nhân dân xã. Tuy nhiên, thời gian sau bà liên hệ đến Ủy ban nhân dân xã V thì được biết đơn yêu cầu của bà trước đó bị thất lạc nên bà phải làm lại đơn khác và cho đến năm 2025 Ủy ban nhân dân xã V mới tiến hành hòa giải vụ việc giữa bà với bà L.

Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Kim L, ông Trần Văn T1 tháo dỡ hàng rào và các cây trồng để trả lại toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp cho bà qua đo đạc thực tế là 103,3m², bà rút lại yêu cầu đối với phần diện tích 1,7m². Còn đối với việc bà L, ông T1 bồi đắp đất cũng như xây hàng rào, trồng cây thì bà có ngăn cản, trình báo chính quyền địa phương nhưng vợ chồng bà L vẫn cố chấp thực hiện xây dựng và đổ đất nên bà không đồng ý bồi thường cũng như hỗ trợ gì cho vợ chồng bà L, bà cũng không đồng ý nhận giá trị đất mà bà yêu cầu được hoàn trả toàn bộ phần đất tranh chấp. Ngoài ra, bà không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Theo bị đơn bà Trần Thị Kim L1 và ông Trần Văn T1 thống nhất trình bày:

Đất tranh chấp là do bà ngoại cho mẹ bà (bà Nguyễn Thị Kim D), lúc đó là đất ao trũng thì ngoại bà có làm hàng rào bằng thiếc bao quanh phần đất tranh chấp như hiện nay. Đến năm 2001 thì bà cất nhà phía trước phần đất tranh chấp như hiện nay, đối với phần đất bà xây dựng nhà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn phần đất tranh chấp do là đất mồ mã nên khi kê khai thì chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trên đất tranh chấp có vài ngôi mộ của những người được chôn từ nhiều năm trước bà cũng không rõ về họ, do nhiều lần họ cúng mã nên bà có hỗ trợ tiền để họ di dời cốt đi nên bà mới đổ đất, xây hàng rào nên đất tranh chấp được như hiện nay. Do là đất trũng nên bà cũng chưa có nhu cầu sử dụng nên vẫn bỏ đất trống cho đến năm 2019 bà đổ đất, làm hàng rào và trồng cây thì phía bà K cho rằng lấn qua đất của bà K nên các bên phát sinh tranh chấp và có nhờ chính quyền ấp là ông Trần Minh T3 hòa giải nhưng các bên không thống nhất được với nhau. Do đó, phát sinh tranh chấp cho đến nay.

Bà khẳng định đây là đất của bà ngoại bà trước đó đã có sẵn hàng rào và hiện trạng hàng rào trước đó do bà đã tháo dỡ để xây dựng hàng rào mới như hiện nay nên không còn ranh giới hàng rào cũ, những người bà hỗ trợ chi phí di dời hài cốt thì do không quen biết nên cũng không biết họ ở đâu. Đối với chi phí đổ đất đắp nền trên đất tranh chấp, chi phí xây hàng rào, các cây trồng thì không trình bày chi phí đã bỏ ra bao nhiêu và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về giá trị tài sản trên đất tranh chấp.

Trường hợp Tòa án có cơ sở xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ai thì giải quyết theo quy định về đất để buộc các bên thực hiện việc trả liên quan đến đất chứ không yêu cầu xem xét đến giá trị tài sản trên đất của ông bà đối với phần đất tranh chấp. Ngoài ra ông bà không trình bày ý kiến gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 71/2026/DS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Kim L.

Buộc ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Kim L giao trả lại cho bà Huỳnh Thị K, ông Lê Văn N1 phần diện tích đất 103,3m², đất tại thửa số 44, tờ bản đồ số 88, đất tọa lạc tại Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau.

(Các cạnh của đất tranh chấp được thể hiện theo Bản vẽ hiện trạng ngày 13/01/2026)

Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 tháo dỡ các tài sản tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 88 để giao trả đất lại cho ông Lê Văn N1, bà Huỳnh Thị K, cụ thể:

01 hàng rào trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, phía trên có lưới B40, có trát vữa xi măng, không sơn có chiều dài là 29,54m, chiều cao 1,8m, tổng diện tích là 82,712m².

01 hàng rào phía giáp ranh nhà có trụ thép, vách rào bằng lưới B40, có chiều dài là 12,25m, chiều cao là 1,8m, tổng diện tích là 22,05m².

Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 di dời các cây trồng là 03 cây vú sữa và 02 cây xoài nằm trên phần đất tranh chấp tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 88 để giao trả đất lại cho bà Huỳnh Thị K và ông Lê Văn N1.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Kim L trả lại phần đất có diện tích là 1,7m².

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/7/2026, bà Lê Thị Kim L có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa hoặc huỷ bản án sơ thẩm, huỷ 01 phần diện tích 103,3m² đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N1 và công nhận diện tích đất này cho bà L.

Tại phiên toà phúc thẩm: Đại diện theo uỷ quyền của bà L yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm.

Phản tranh luận tại phiên toà:

Luật sư T tranh luận: Bà T4 là người khai hoang, quản lý sử dụng thời gian lâu dài, đã làm hàng rào bao quanh khu đất, sau đó giao lại cho con gái là bà D quản lý sử dụng, sau này bà D giao lại cho bà L; Năm 2001 xây dựng nhà ở phía trước được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có nhà ở, phần đất phía sau có nhiều mồ mã gia đình tiếp tục quản lý chưa kê khai cấp giấy chứng nhận, đến năm 2019 sửa chữa hàng rào vị trí trên ranh cũ. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà L sửa án sơ thẩm, không chấp nhận khởi kiện của bà K.

Ông K1 tranh luận: Thống nhất ý kiến của Luật sư, không có bổ sung gì khác.

Bà N tranh luận: Đất tranh chấp bà K được kê khai và được xác định nguồn gốc do bà G chuyển nhượng, bà G thừa nhận có ký vào giấy chuyển nhượng, không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

Bà K không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 71/2026/DS-ST ngày 29/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị Kim L thực hiện trong thời hạn luật định, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Kim L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự thống nhất với kết quả thẩm định tại chỗ theo như Bản vẽ hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 13/01/2026 của Trung tâm K2. Theo Công văn số 408/CNVPĐKĐĐ ngày 27/3/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ xác định: Phần đất đang tranh chấp tại thửa số 44, tờ bản đồ số 88 (tờ 22 bản đồ năm 2017) thể hiện tên người sử dụng quản lý đất là hộ ông Lê Văn N1 và bà Huỳnh Thị K.

[2.2] Thấy rằng, phía trước đất tranh chấp thì bà L, ông T1 đã cất nhà ở và ông bà xác định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất phía trước, nhưng tiếp giáp với phần đất tranh chấp thì còn phần đất thuộc thửa 46 và phần đất tranh chấp thì vợ chồng bà L không đăng ký kê khai. Bà L cho rằng đất tranh chấp được bà ngoại cho mẹ bà và trên đất có mồ mã nên gia đình bà không thực hiện việc kê khai được, tuy nhiên như Công văn trên đã xác định ông N1, bà K đã kê khai và có tên sử dụng đất tranh chấp nên lý do không thực hiện quyền đăng ký đất mà bà L đưa ra là không phù hợp. Bà L cho rằng trước đó gia đình bà có làm hàng rào bằng thiếc nhưng hiện trạng không còn và ngoài lời trình bày thì bà L không cung cấp được chứng cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

[2.3] Bà K cho rằng đất tranh chấp cho bà K nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị G chứng cứ bà cung cấp là “*Giấy sang nhượng chủ quyền cái đĩa*” được ký giữa bà K với bà G ngày 5/9/1998; phía bà L xác định đất tranh chấp là của ngoại cho lại mẹ, do là đất trũng nên chưa sử dụng, ngoài lời trình bày thì bà L, ông T1 không cung cấp chứng cứ gì. Xét “*Giấy sang nhượng chủ quyền cái đĩa*” ngày 5/9/1998, thấy rằng: Bà G thừa nhận có ký tên vào giấy chuyển nhượng trên nhưng cho rằng việc ký

vào giấy là để cầm cố vay tiền của bà K, còn thực tế bà không chuyển nhượng phần đất nào cho bà K. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà G không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh nên có cơ sở xác định giữa bà G với bà K có thỏa thuận việc chuyển nhượng đất theo giấy sang nhượng trên là có trên thực tế.

[2.4] Bà G cho rằng do không còn sinh sống tại phần đất trước đó nhiều năm nên không xác định được vị trí cụ thể đất của mình. Tuy nhiên, bà G, bà L và bà K cùng thống nhất nội dung gia đình bà G có đất lân cận với phần đất tranh chấp và bà G cũng xác định phía sau căn nhà của bà trước đó thì có 01 phần đất ao trũng. Theo như nhận định trên do có căn cứ xác định giữa bà G với bà K có giao dịch chuyển nhượng đất, do đó cấp sơ thẩm xác định bà K có phần đất địa nhận chuyển nhượng từ bà G tại khu vực phần đất tranh chấp theo như bà K trình bày là có căn cứ.

[2.5] Theo bà Trần Cà Ê người có đất giáp ranh với đất tranh chấp (bút lục 56c), bà Ê xác định bà không có nhận chuyển nhượng đất từ bà K nhưng bà có phần đất giáp ranh liền kề với đất tranh chấp và trước đó bà có phần đất ao địa giáp với phần đất địa trũng của bà K. Như vậy, mặc dù bà Ê không xác định được nguồn gốc đất cũng như không có ý kiến gì về đất tranh chấp giữa bà L với bà K nhưng xác định bà K có phần đất liền kề với đất của bà.

[2.6] Việc bà L cho rằng năm 2019 khi bà L làm hàng rào thì làm đúng với ranh đất hàng rào cũ trước đó của gia đình, điều này cũng được trưởng khóm xác nhận. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, phía bà K không thừa nhận và tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2026 (bút lục 56c) thì trưởng khóm chỉ xác định nội dung năm 2019 khi bà L xây hàng rào thì các bên bắt đầu phát sinh tranh chấp, không đề cập đến nội dung như bà L trình bày. Do đó, căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự có cơ sở xác định vụ việc tranh chấp giữa các bên phát sinh từ năm 2019 (khi bà L xây dựng hàng rào) và không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của bà L về nội dung các bên thống nhất việc gia đình bà L xây dựng hàng rào theo ranh hàng rào cũ như bà L trình bày.

[2.7] Theo các đương sự đều thống nhất kết quả biên bản thẩm định tài sản trên đất. Các đương sự không yêu cầu xem xét việc bồi thường, hỗ trợ và không yêu cầu giải quyết về bồi hoàn giá trị tài sản. Từ đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để giao trả đất tranh chấp cho bà K, ông N1 là phù hợp quy định pháp luật.

[2.8] Từ những căn cứ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm đã xử như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim L.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 71/2026/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Kim L.

Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 giao trả lại cho bà Huỳnh Thị K, ông Lê Văn N1 phần diện tích đất 103,3m², đất tại thửa số 44, tờ bản đồ số 88, đất tọa lạc tại Khóm G, phường V, tỉnh Cà Mau.

(Các cạnh của đất tranh chấp được thể hiện theo Bản vẽ hiện trạng ngày 13/01/2026)

Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 tháo dỡ các tài sản tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 88 để giao trả đất lại cho bà Huỳnh Thị K, ông Lê Văn N1, cụ thể:

- 01 hàng rào trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, phía trên có lưới B40, có trát vữa xi măng, không sơn có chiều dài là 29,54m, chiều cao 1,8m, tổng diện tích là 82,712m².

- 01 hàng rào phía giáp ranh nhà có trụ thép, vách rào bằng lưới B40, có chiều dài là 12,25m, chiều cao là 1,8m, tổng diện tích là 22,05m².

Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 di dời các cây trồng là 03 cây vú sữa và 02 cây xoài nằm trên phần đất tranh chấp tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 88 để giao trả đất lại cho bà Huỳnh Thị K, ông Lê Văn N1.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị Kim L trả lại phần đất có diện tích là 1,7m².

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 phải chịu 300.000 đồng, bà L và ông T1 chưa nộp.

4. Về chi phí tố tụng: Đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với số tiền 7.380.000 đồng, bà Huỳnh Thị K đã nộp đủ. Buộc bà Lê Thị Kim L và ông Trần Văn T1 phải nộp số tiền 7.380.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau để hoàn lại cho bà Huỳnh Thị K.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng, ngày 10/7/2026 bà L đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000533 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 7, 8, 34 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 6- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 6- Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tiêu Hồng Phụng